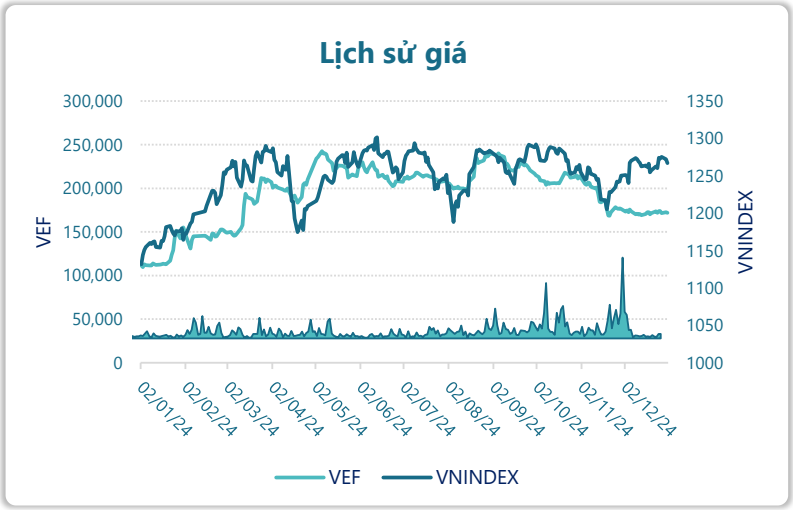
FireAnt

CTCP Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam (UPCOM: VEF)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**171,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	242,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	109,600
SL cổ phiếu LH	166,601,050
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,625
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	28,639
P/E	41.0
EPS	4,194

DT thuần

Q4/24

0.13

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.86| -96.8%

YoY: ▼6.05| -98.0%

LN sau thuế

Q4/24

434

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 349| 413%

YoY: ▲ 343| 377%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18947%

+/- YoY: ▲ 12901%

DT thuần

2024

4.64

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.36| -48.5%

LN sau thuế

2024

699

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 264| 60.7%

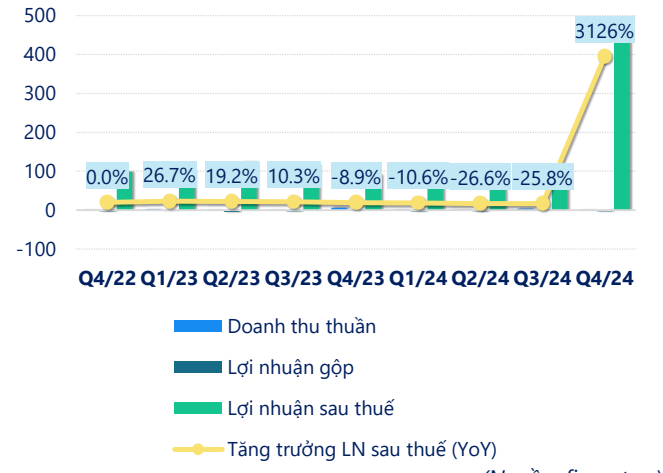
ROE

2024

20.4%

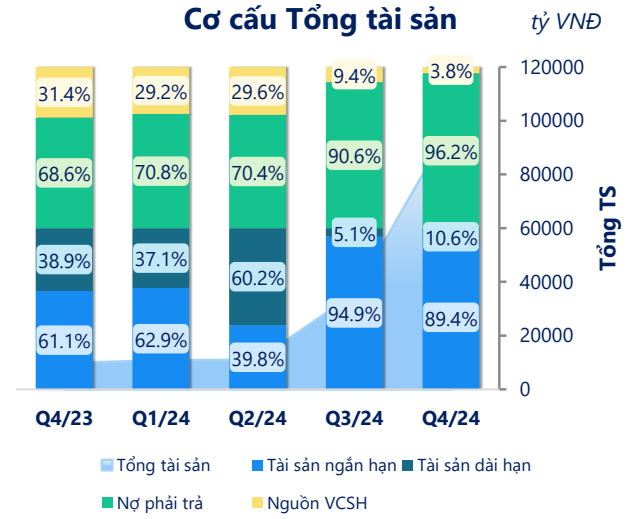
+/- YoY: ▲ 5.2%

Kết quả kinh doanh



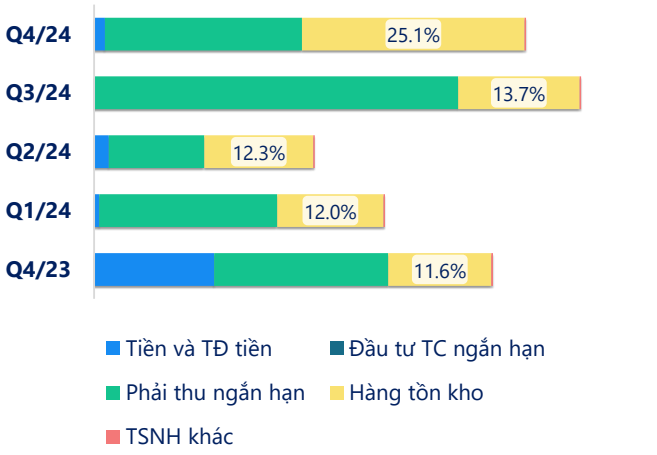
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



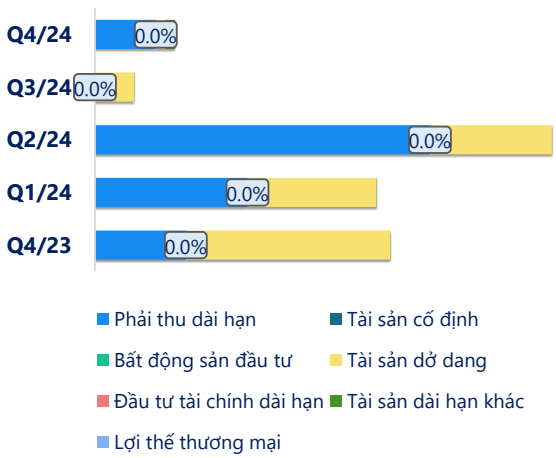
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



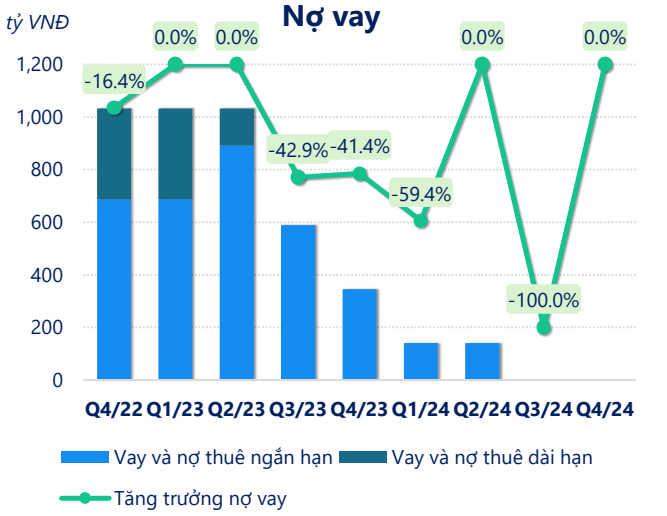
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



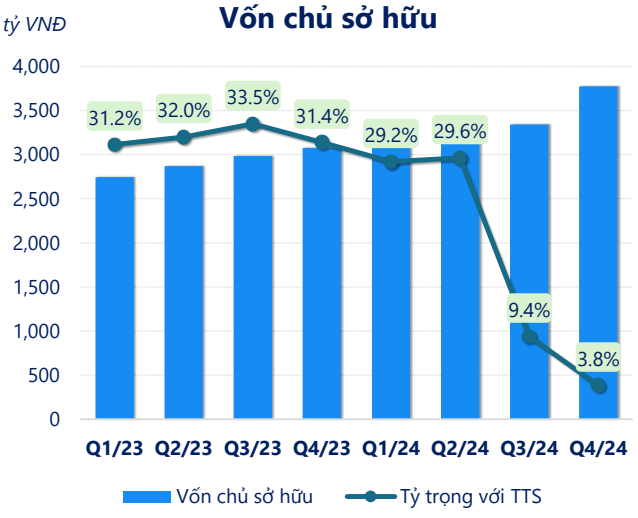
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



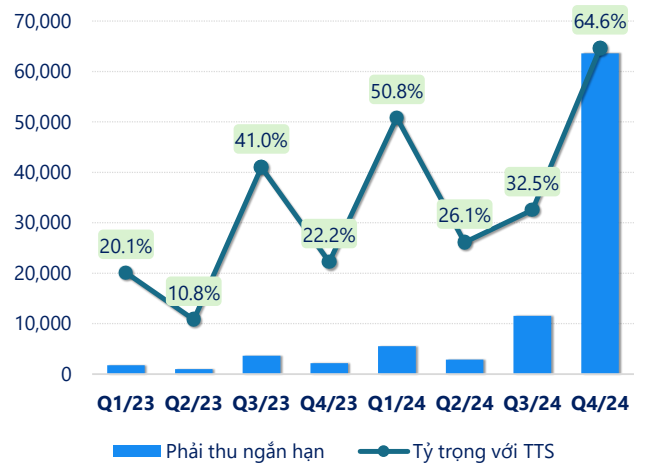
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



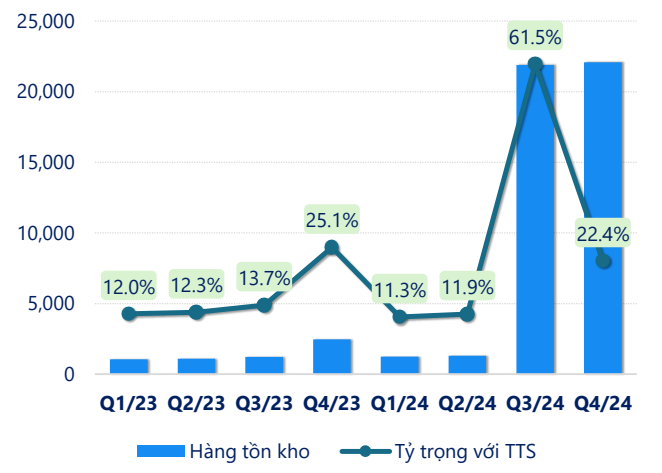
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



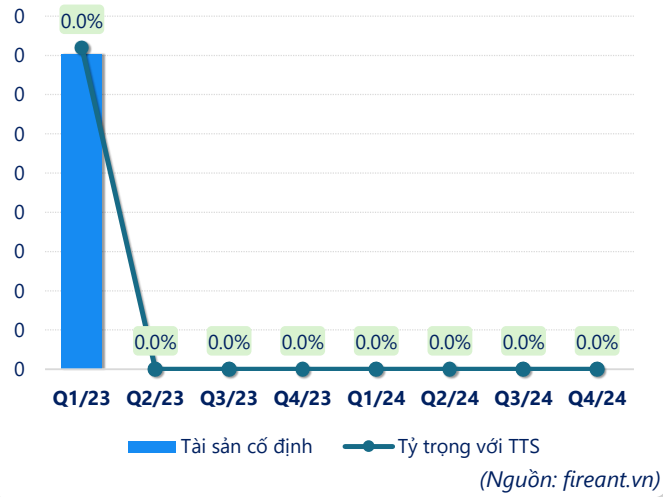
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



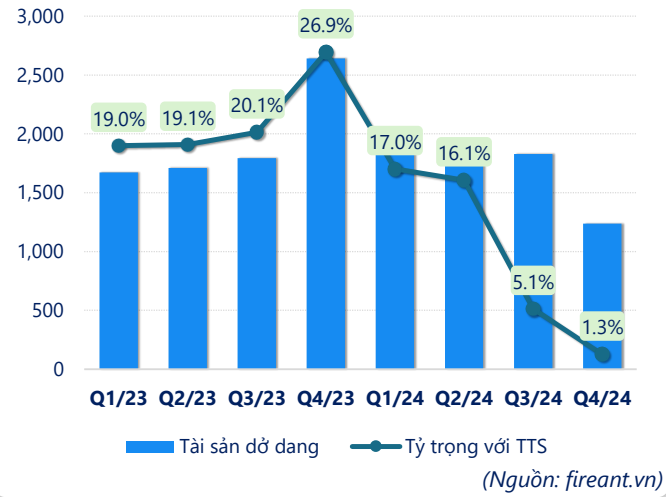
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



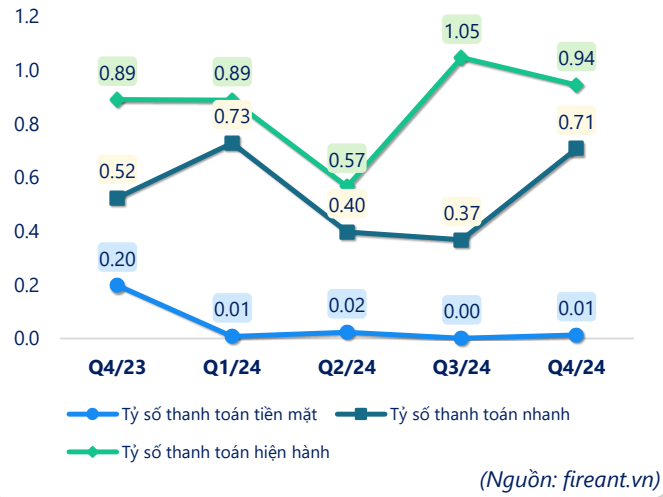
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



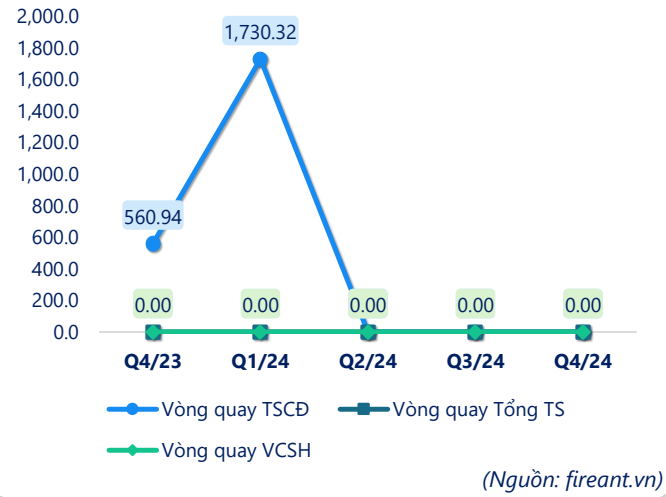
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**9,803**	**10,852**	**10,989**	**35,582**	**98,381**
Tài sản ngắn hạn	**5,989**	**6,826**	**4,378**	**33,753**	**87,995**
Tiền và tương đương tiền	1,330	62.8	181	33.1	1,210
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	2,180	5,515	2,868	11,576	63,568
Hàng tồn kho	2,462	1,230	1,311	21,892	22,083
Tài sản ngắn hạn khác	16.9	17.1	17.8	251	1,134
Tài sản dài hạn	**3,814**	**4,027**	**6,611**	**1,829**	**10,386**
Phải thu dài hạn	1,173	2,179	4,845	0	7,881
Tài sản cố định	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	2,641	1,847	1,765	1,829	1,238
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.56	0.56	0.56	0.56	1,268
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**6,727**	**7,684**	**7,733**	**32,241**	**94,606**
Nợ ngắn hạn	**6,727**	**7,684**	**7,733**	**32,241**	**93,133**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	345	140	140	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	12.9	12.9	18.2	28.5	52.4
Nợ dài hạn	0	0.05	0.05	0.05	1,472
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,076**	**3,168**	**3,256**	**3,341**	**3,775**
Vốn chủ sở hữu	**3,076**	**3,168**	**3,256**	**3,341**	**3,775**
Vốn điều lệ	1,666	1,666	1,666	1,666	1,666
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)